

Sakya Minh-Quang

ĐẠO AN CẢNH SÁCH



Nhà Xuất Bản Bồ-đề Tâm
2022



Tu Viện Thiện Tường

1512 N. McKinley Ave. Champaign, IL 61821

Facebook: Thien Tuong Temple

Website: thientuongtemple.com

Email: tuvienthientuong@gmail.com;



Mục Lục

Lời Giới Thiệu	05
Cuộc Đời và Đạo Nghiệp	17
Phần Cảnh Sách	59

LỜI GIỚI THIỆU

Đạo An Cảnh Sách là lời răn dạy đệ tử xuất gia trước khi viên tịch của Pháp sư Thích Đạo An 釋道安 (312-385). Pháp sư Đạo An là bậc long tượng Phật Pháp trong thời kỳ Nam Bắc Triều nhà Ngụy Tấn (220-589). Ngài là Thầy của nhiều bậc Cao Tăng đương thời, trong đó có Tuệ Viễn 慧遠 (334-416), Sơ tổ tông Tịnh Độ của Phật giáo Đại Thừa Đông Á.

Đạo An Cảnh Sách nguyên tựa là “Đạo An Pháp Sư Di Giới Cứu Chương Dĩ Huấn Môn Nhân”, tức “Chín Bài Răn Để Lại Nhằm Giáo Huấn Môn Nhân của Pháp sư Đạo An”. Nội dung văn cảnh sách này gồm phần mở đầu bằng văn xuôi và chín bài kệ tụng

cảnh sách (cửu chương). Nguyên văn tựa đề dùng từ “giới” (誡) là răn dạy và “huấn” (訓) là giáo huấn. Xét ra, các thể loại văn học Phật giáo như “giới”, “huấn”, “châm” (箴), “minh” (銘) ... đều thuộc thể loại văn học “cảnh sách”. Vì Phật giáo Việt Nam quen dùng từ “cảnh sách” như *Quy Sơn Cảnh Sách*, nên bút giả dùng tựa *Đạo An Cảnh Sách* thay cho nguyên tựa: “Chín Bài Răn Để Lại Giáo Huấn Môn Nhân của Pháp Sư Đạo An”.

Đạo An Cảnh Sách bao gồm hai phần trường hàng (văn xuôi) và kệ tụng. Văn trường hàng gãy gọn và có kết cấu mạch lạc; cách hành văn tuy súc tích nhưng trong sáng. Phần kệ tụng gồm những khổ thi kệ bốn câu, mỗi câu bốn chữ. Kệ tụng được gieo vần nghiêm cẩn, nên không

những mang ngữ khí mạnh mẽ, dứt khoát của nhịp câu bốn chữ, mà còn có nhạc điệu dễ nhớ của thi ca.

Cần nói thêm rằng, sau này khi Ngài Cưu-ma-la-thập (344-413) đến Trung Quốc phiên dịch kinh điển từ chữ Phạn sang chữ Hán, Ngài cũng hay dùng nhịp câu bốn chữ trong kinh điển phiên dịch của mình. Đây là một trong những yếu tố quan trọng giúp kinh điển của Ngài được giới Phật giáo thọ trì đọc tụng rộng rãi.

Vì vậy, về mặt văn học, *Đạo An Cảnh Sách* là một áng văn tuyệt tác. Tuy ra đời vào thế kỷ thứ 4, trước *Quy Sơn Cảnh Sách* (thế kỷ thứ 9) gần năm trăm năm, nhưng văn phong của *Đạo An Cảnh Sách* vẫn vô cùng trong sáng. Ngày nay đọc *Đạo An Cảnh Sách*, chúng ta có thể cảm nhận được

trách nhiệm của người Thầy trong việc giáo dục đệ tử, cũng như tâm huyết của người xưa đối với sự nghiệp giáo dục Tăng-già, hoằng dương Chánh Pháp!

Về mặt hành trì, *Đạo An Cảnh Sách* chuyên chở Pháp nghĩa căn bản, nhắc lại lý tưởng sơ tâm của người xuất gia, cũng như răn nhắc, cảnh tỉnh người tu không buông lung theo thế tục. Vì vậy, bài cảnh sách này có sức mạnh lớn khích phát Đạo tâm, tiếp thêm năng lượng tích cực cho người xuất gia trên đường giải thoát.

So với *Quy Sơn Cảnh Sách*, *Đạo An Cảnh Sách* ngắn gọn hơn, không có thiền lý cao thâm, mà chỉ chuyên chở đạo lý căn bản, chánh kiến chánh tín, cho nên gần gũi và thích hợp hơn cho người sơ tâm xuất gia thọ trì đọc tụng! Đọc *Đạo An Cảnh Sách*

chúng ta có cảm giác như đang ngồi dưới chân Thầy, lắng nghe lời Ân sư ân cần răn nhắc!

Về mặt kết cấu, *Đạo An Cảnh Sách* hay *Đạo An Pháp Sư Di Giới Cứu Chương*, đúng như tên gọi, gồm phần văn trường hàng mở đầu và chín bài kệ tụng (cứu chương). Văn trường hàng nhấn mạnh bốn phận, trách nhiệm và lý tưởng của người xuất gia, còn chín bài kệ tụng có thể được xem như phần trùng tụng của một bản kinh. Phần kệ tụng vừa tóm tắt lại ý trong phần trường hàng, vừa mở rộng thêm ý nghĩa để răn nhắc đệ tử.

Ví dụ, trong kết luận của phần mở đầu, Ngài Đạo An tha thiết nói:

-Xét ra, ngày nay xuất gia, có người đã nhiều năm mà kinh pháp không thông, văn tự chẳng rõ, luống mất một đời, không chút thành tựu. Những việc như vậy, không biết suy xét sâu sắc. Đại hạn vô thường đến, không sớm thì tối, không luận mạnh yếu, phải chịu đau khổ nơi ba đường. Vì nghĩa thầy trò sâu nặng, nên mới chỉ ra. Những ai có Đạo tình, xin lấy đây mãi mãi làm lời răn nhắc.

Còn trong phần kệ tụng, Ngài bảo:

*Ông đã xuất gia
Phụ tình quân thân
Phải nên cố gắng
Chí nhìn thanh vân.
Xa miền danh sắc
Phong thái siêu trần
Vàng bạc chẳng quý*

*Duy đạo là hơn.
Giữ tiết thanh cao
Nghèo khổ không sờn
Tu đức độ mình
Độ khắp thế nhân.*

Về mặt phiên dịch Việt ngữ, từ lâu Hòa Thượng Thích Thiên Tâm (1925-1992), một bậc Cao Tăng thạc học của Phật giáo Việt Nam thời hiện đại, đã chọn dịch ba trong số chín bài kệ tụng cảnh sách của Pháp sư Đạo An để giới thiệu cùng đại chúng. Bản dịch *Đạo An Cảnh Sách* của Ngài được thấy in trong soạn phẩm *Phật Học Tinh Yếu* (1965).

Hòa thượng Thích Thiên Tâm là một bậc uyên thâm cả Nho và Phật. Hòa Thượng có lối hành văn cổ kính, dùng từ xác đáng, âm vận đối xứng, hài hòa. Ngài đã để lại cho

đòi rất nhiều thi ca, soạn phẩm và dịch phẩm Phật giáo vô cùng giá trị.

Có thể nói, Hòa thượng Thiền Tâm là một trong những bậc kỳ tài đứng đầu trong nền văn học Phật giáo thế kỷ 20. Bản dịch phần kệ tụng của Hòa thượng Thích Thiền Tâm siêu xuất, khó ai dịch qua, nên bút giả sử dụng như định bản để chú thích và giảng dạy.

Ban đầu, bút giả định dịch thêm sáu bài răn còn lại của Pháp sư Đạo An cho đầy đủ, nhưng xét về ý nghĩa và mục đích cảnh sách, ba bài dịch của Hòa thượng Thích Thiền Tâm đã quá đầy đủ cho việc hành trì. Vì vậy, bút giả chỉ dịch thêm phần văn trường hàng, tức đoạn mở đầu của nguyên tác. Sau này đủ nhân duyên,

bút giả sẽ dịch trọn bộ để dùng cho việc tham khảo và nghiên cứu.

Trong đoạn văn mở đầu này, Ngài Đạo An nói về bốn phận và lý tưởng của người xuất gia, cũng như nhân duyên Ngài để lại chín bài cảnh sách này cho đệ tử. Đoạn văn này được xem là lời dẫn, bệ phóng cho phần cảnh sách tiếp theo.

Tác giả của *Đạo An Cảnh Sách* là Pháp sư Đạo An. Ngài được được lịch sử công nhận là nhân vật Phật giáo kiệt xuất trong thời Ngụy Tấn Nam Bắc Triều (220-589), người đặt nền móng cho sự phát triển Phật giáo Đại Thừa Đông Á sau này. Những cống hiến vĩ đại cho Phật giáo của Ngài vẫn còn ảnh hưởng đến tận ngày nay. Ví dụ, Ngài là người đầu tiên dùng họ Thích

và đề xướng người xuất gia nên dùng họ Thích để thể hiện tính thống nhất và hòa hợp của Tăng đoàn.

Vì vậy, bút giả cũng soạn dịch *Cuộc Đời và Đạo Nghiệp của Pháp sư Đạo An* để đại chúng biết thêm về Đạo phong, Đạo nghiệp và công đức vĩ đại của tiền nhân. Cuộc đời và Đạo Nghiệp của Pháp sư Đạo An được coi là phần thân giáo cảnh sách, bổ trợ cho phần ngôn giáo cảnh sách của Ngài.

Nhận thấy *Đạo An Cảnh Sách* là một viên ngọc quý của tiền nhân để lại, có công năng sách tấn mạnh mẽ, thích hợp cho người sơ tâm xuất gia, nên từ lâu bút giả đã phiên dịch phần trường hàng mở đầu, kết hợp với bản dịch kệ tụng của Hòa Thượng Thiền Tâm, lược giảng nghĩa lý, và giới thiệu với đại chúng xa gần.

Như đã nói trên, *Đạo An Cảnh Sách* so với *Quy Sơn Cảnh Sách* càng thích hợp hơn cho người sơ tâm xuất gia. Tuy nhiên, hiện nay vẫn chưa nhiều người biết đến tác phẩm có giá trị này, nói chi là thọ trì đọc tụng trong Thiền môn. Cho nên, qua soạn phẩm này, bút giả rất mong *Đạo An Cảnh Sách* được quan tâm và trân trọng hơn trong giới Phật giáo Việt Nam, dùng để thọ trì đọc tụng trong Thiền môn và đưa vào chương trình giảng dạy trong các lớp Phật học cơ bản.

Nam-mô Thường Tinh Tấn Bồ-tát Ma-ha-tát
Sakya Minh-Quang Viết tại Tu Viện Thiện
Tường Illinois, ngày 17 tháng 05, 2018

CUỘC ĐỜI VÀ ĐẠO NGHIỆP CỦA PHÁP SƯ THÍCH ĐẠO AN

Pháp sư Thích Đạo An 釋道安 (312-385), họ Vệ, người huyện Phù Liễu, Thường Sơn, nay thuộc huyện Ký tỉnh Hà Bắc.¹ Ngài là bậc Cao tăng nổi tiếng thời Nam Bắc Triều nhà Ngụy Tấn (220-589) và là thầy của Tuệ Viễn 慧遠 (334-416), người được đời sau tôn là Sơ tổ tông Tịnh Độ. Đạo An cũng là người mở đường cho việc nghiên cứu tư tưởng Trung Quán Bát-nhã ở Trung Quốc, và có sự cống hiến đặc biệt đối với sự phát triển của Phật giáo về các phương diện như đào tạo Tăng tài, phiên

1. Các học giả cho rằng Đạo An sinh năm 312, nhằm Niên hiệu Vĩnh Gia thứ 6, đời Đông Tấn, nhưng cũng có thuyết cho rằng Ngài sinh năm 314, nhằm Niên hiệu Kiến Hưng thứ 2. Tham khảo *Phật Quang Đại Từ Điển*, tr.5625.

dịch kinh điển, phương pháp nghiên cứu, thành lập kinh lục, định chế sinh hoạt tăng ni v.v.... Có thể nói, Ngài là một trong những người đi tiên phong, đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển của Phật giáo Trung Quốc nói riêng và Phật giáo Đại Thừa Đông Á sau này nói chung. Sau đây là chi tiết về cuộc đời và Đạo nghiệp của Ngài.

Tướng mạo đen xấu, nhưng tâm trí thông tuệ

Ngài Đạo An sinh ở Thường Sơn vào năm 312, nhằm Niên hiệu Vĩnh Gia thứ 6, đời Tây Tấn (265-316), trong một gia đình có truyền thống Nho học nhiều đời. Nhưng vì cha mẹ mất sớm, từ nhỏ Ngài được người anh họ, họ Khổng nuôi dưỡng. Tướng mạo bề ngoài của Ngài tuy đen

xấu nhưng vô cùng thông tuệ, nhất là có trí nhớ siêu phàm. Năm bảy tuổi Ngài bắt đầu đọc sách, chỉ cần đọc qua hai lần liền ghi nhớ.

Năm mười hai tuổi Ngài phát tâm xuất gia. Ban đầu, Sư phụ thấy Ngài xấu xí nên không coi trọng, sai Ngài đi làm ruộng mà không cho học kinh. Đạo An tinh tấn, nghiêm trì giới hạnh, hoan hỷ làm mọi việc lao tác mà không có một chút thái độ bất mãn. Trải qua ba năm, Ngài mới xin Thầy cho mình được học kinh. Thấy đệ tử hết lòng công quả phụng sự, Sư phụ tùy ý đưa Ngài quyển *Kinh Biện Ý Trường Giả* khoảng năm ngàn chữ bảo đọc. Làm việc ngoài đồng, Đạo An tranh thủ trong lúc nghỉ ngơi để đọc, thế mà đọc qua liền ghi nhớ toàn bộ. Chiều về, Ngài trả kinh lại

cho Thầy và xin đổi đọc quyển kinh khác. Sư phụ mới trách, bảo tại sao không chuyên tâm đọc mà lại đòi đổi kinh mới. Ngài trả lời: “Con đã đọc thuộc lòng.” Sư phụ tuy không tin, nhưng vẫn đưa cho Ngài quyển *Kinh Thành Cụ Quang Minh* gần mười ngàn chữ. Đạo An lại dùng thời gian nghỉ ngơi lúc lao tác ngoài đồng để đọc và ghi nhớ toàn bộ. Chiều về, Đạo An lại đem kinh trả thầy, thưa rằng đã đọc thuộc lòng. Thầy không tin, bảo Đạo An đọc lại, còn mình tay cầm quyển kinh dò theo. Quả nhiên không sai một chữ. Sư phụ mới giật mình kinh ngạc, nhận ra đệ tử mình chẳng phải bậc tầm thường như tướng mạo bề ngoài, tiếc rằng mình đã làm mai một một nhân tài lớn trong suốt ba năm! Do đó, Sư phụ mới bắt đầu cho Ngài học kinh, sau cho phép Ngài thọ giới

cụ túc, trở thành vị Tăng chính thức, rồi cho đi du phương tham học. Từ đó, Đạo An bắt đầu cuộc sống phiêu bạt, đi khắp nơi để tìm cầu thiện tri thức nhằm học hỏi Chánh Pháp.²

Tìm được Minh Sư, tài cao đặc dụng

Năm 335, nhằm Niên hiệu Hàm Khang thứ nhất, đời Tấn Thành Đế (321-342), Thạch Hổ (295-349) dời Đô về đất Nghiệp. Ngài Phật-đồ-trùng 佛圖澄 (Buddhacinga 232-348) cũng dời đến trú ở đây. Đạo An đến Nghiệp Đô vào ở chùa Trung Tự, thờ Ngài Phật-đồ-trùng làm thầy. Phật-đồ-trùng vô cùng quý trọng tài hoa của Đạo An, luôn khen ngợi và cùng Ngài suốt ngày đàm đạo. Nhưng trong chúng mọi

² Tham khảo *Cao Tăng Truyện, Đại Chánh Tạng* 50, kinh 2059, tr.351c.

người thấy Đạo An tướng mạo không đẹp, nên có ý coi thường. Ngài Phật-đồ-trường bảo: “Người này có tài năng và nhận thức sâu xa, không phải bọn ông có thể so được!” Do đó mỗi lần giảng kinh, Phật-đồ-trường đều yêu cầu Đạo An thuật lại một lần cho mọi người nghe. Đại chúng ban đầu vì không phục, nạn vẫn đủ điều. Nhưng Đạo An ngôn từ lưu loát, lý luận chặt chẽ, ý tưởng sâu sắc, luôn giải đáp thỏa đáng những nghi ngờ. Từ đó, mọi người mới bắt đầu tin phục. Cho nên, đương thời mới có câu khen rằng: “Đạo nhân tướng đen xấu, kinh động người bốn phương” (Tất đạo nhân, kinh tứ lân).³

3. Tham khảo *Cao Tăng Truyện, Đại Chánh Tạng* 50, kinh 2059, tr.351c. 《高僧傳》「澄見而嗟歎。與語終日。眾見形貌不稱。咸共輕怪。澄曰。此人遠識非爾儔也。因事澄為師。澄講安每覆述。眾未之愜。咸言。須待後次當難殺崑崙子。即安後更覆講疑難鋒起。安挫銳解紛行有餘力。時人語曰。漆道人驚四隣。[31]于時學者多守聞見。安乃歎曰。宗匠雖邈玄旨可尋。應窮究幽遠探微奧。令無生之理宣揚季末。使流遁之徒歸向有本」(CBETA, T50, no.

Ngài Phật-đồ-trùng từng nói với Đạo An và các đệ tử: “Trong Kinh Phật dạy: ‘Muốn kiến lập Chánh Pháp nên gần gũi quốc vương để được hộ trì.’ Ta dùng đạo thuật thần thông khiến cho Thạch Lặc và Thạch Hổ cúi đầu tin phục, người Hồ quy y, và bách tính được lợi ích, nhờ đó Phật Pháp được hưng thịnh nhất thời. Nhưng thần thông pháp thuật này chỉ vì khiến những kẻ không thông hiểu đạo lý thâm sâu, có thể khởi lòng tin Phật, mà có tâm từ bi chấm dứt sát sinh, nên mới phương tiện vận dụng. Nhưng nếu muốn người thâm nhập Phật Pháp, thâm cứu thật tướng, thì không thể dùng pháp thuật thần thông, mà cần phải nghiên cứu nghĩa lý Phật Pháp.”⁴

2059, p. 351, c15-23).

4. Xem *Trung Quốc Phật Giáo Cao Tăng Toàn Tập*, “Đạo An Đại Sư Truyện”.

Những lời dạy này đã ảnh hưởng sâu sắc đến phong cách hoằng Pháp một đời của Pháp sư Đạo An. Ngài không dùng thần thông để mê hoặc tai mắt của thường nhân, mà chú trọng việc giới hạnh tu trì. Ngài không chuộng huyền đàm viển vông, mà coi trọng việc nghiên cứu sâu xa nghĩa lý kinh Phật, từ đó hình thành nên đạo phong của riêng mình, có sức thu hút lớn và mở ra một phong khí tu hành đương thời. *Cao Tăng Truyện* ghi: “Lúc đó, học giả phần lớn chấp thủ theo chỗ thấy nghe của mình [mà không chịu nghiên cứu kinh điển]. Đạo An mới than rằng: Bậc tông tượng tuy đã xa rồi, nhưng ý chỉ thâm sâu vẫn có thể tìm. Nên cứu xét tận cùng, tìm đến sâu xa, khiến lý vô sinh được tuyên dương nơi đời mạt, giúp bọn lưu lạc có gốc để trở về.”⁵

5. *Cao Tăng Truyện*, *Đại Chánh Tạng* 50, kinh 2059, tr. 351. 「于時學

Sau đó, Đạo An lại đến Lãnh Dịch (nay thuộc huyện Tấn ở Sơn Tây). Không lâu, lại đến núi Phi Long, núi Thái Hành, núi Hằng ở Hà Bắc, xây dựng chùa tháp nơi đây. Rất đông người nhờ đức giáo hóa của Ngài đã phát tâm xuất gia học đạo. Lúc này, Ngài Đạo An đã rất nổi tiếng.

Đòi tu phiêu bạt vẫn một lòng giáo dục Tăng tài

Năm Ngài Đạo An bốn mươi lăm tuổi (357) Ngài trở lại Nghiệp Đô, trụ trì chùa Thọ Đô, đệ tử xuất gia có đến vài trăm. Lúc đó Thạch Hổ đã mất, Nhiễm Mẫn làm loạn, Đạo An mới dời về phía Tây núi Khiên Khẩu. Không lâu sau lại dẫn chúng đệ tử đến Vương Ốc, núi Nữ Lâm (nay thuộc tỉnh Sơn Tây). Trong vòng mười lăm

者多守聞見。安乃歎曰。宗匠雖邈玄旨可尋。應窮究幽遠探微奧。令無生之理宣揚季末。使流遁之徒歸向有本。」

năm sau khi Ngài Phật-đồ-trùng viên tịch (348), Đạo An và các đệ tử hoằng Pháp ở một dãy Hà Bắc, Sơn Tây, vừa thiền tu vừa giảng dạy. Sau đó, vì tránh loạn Ngài qua sông đến Lục Hồn (nay là huyện Tung tỉnh Hà Nam). Cuộc sống kham khổ của Thầy trò Đạo An được mô tả: “Sống trong núi, ăn dưới cây, chuyên tu học” (山栖, 木食, 修学). Cho dù phải phiêu bạt khắp nơi và chịu nhiều vất vả, nhưng Đạo An vẫn trong động cầu tịnh, trong lúc bôn ba vẫn tập hợp đồ chúng để giảng dạy. Lúc đó đệ tử theo Ngài đã có hơn năm trăm người như Trúc Pháp Thái (竺法汰 320-387) và Tuệ Viễn (慧遠 334-416).

Khuyên trò rời thầy hành Đạo

Đạo An là người nặng lòng hoằng Pháp báo ân. Khi thấy những đệ tử mình đã có

những thành tựu nhất định, Ngài khuyên mọi người nên tùy theo khả năng và nguyện lực của mình đi các nơi hoằng Pháp. Một hôm, Đạo An tập họp đồ chúng, bảo rằng: “Chúng ta gần đây gặp thời loạn lạc, may mắn ẩn tu trong núi rừng, sống yên tĩnh xa rời thế tục, đối với việc tu riêng mình tự nhiên rất tốt. Nhưng muốn khuông phò Đại Pháp, khiến Phật Pháp lưu truyền nơi đời, Pháp luân thường chuyển, đâu thể riêng tu trong sơn môn như thế này? Tôi cảm thấy mọi người nên tùy theo nguyện lực của mình mà đi hoằng Pháp các phương, như vậy mới có thể báo đáp ân Phật.” Mọi người nghe xong, ai cũng tán thành và bắt đầu chia nhau đi các phương hoằng Pháp.⁶

6. Xem *Trung Quốc Phật Giáo Cao Tăng Toàn Tập*, “Đạo An Đại Sư Truyện”.

Điều này làm chúng ta nhớ lại, khi đức Phật mới thành Đạo, chuyển Pháp luân lần thứ nhất, độ năm huynh đệ Kiều-trần-như thành năm vị A-la-hán đầu tiên, Ngài cũng khuyên các đệ tử mỗi người hãy đi về một hướng để có thể giảng dạy Chánh Pháp cho nhiều người hơn.

An Cư Độ Chúng Đất Phương Nam

Đạo An đến Lục Hồn không lâu, họ Mộ Dung đánh chiếm Hà Nam, Đạo An dẫn đồ chúng xuôi về phương Nam đến Tân Dã. Sau đó, vào năm 365, nhằm Niên hiệu Tân Ninh thứ 3, đời Đông Tấn Ai Đế, Ngài đến Lạc Dương mới có thể tuyên dương Phật Pháp trở lại. Từ đó, học sĩ trong bốn phương tranh nhau đến cầu học với Ngài. Về sau, Hoàn Hoát (桓豁 320-377) là Chinh Tây Tướng Quân trấn thủ ở Giang Lăng

mời Đạo An về trụ ở Giang Lăng, nhưng Chu Tự (朱序 ?-393) là trấn thủ phía tây vùng Tương Dương lại mời Ngài đến trụ ở Tương Dương. Đạo An trước đến ở chùa Bạch Mã ở Tương Dương. Vì chùa nhỏ chật không đủ chỗ ở cho Tăng chúng, nên dưới sự cúng dường hộ trì của các nhà quyền quý, Ngài mới cho xây chùa Đàn Khê có hơn bốn trăm gian Tăng xá. Đồng thời, Ngài còn cho xây một tòa tháp Phật cao năm tầng. Kể từ đó, Đạo An kết thúc cuộc đời trường kỳ lưu lạc.

Pháp sư Đạo An đến Tương Dương truyền Pháp mười lăm năm, mỗi năm đều giảng *Kinh Phóng Quang Bát-nhã*. Vua Tiền Tần là Phù Kiên đánh chiếm Tương Dương (379), ép mang Đạo An đến Trường An. Lúc đó, Đạo An lần thứ hai phân tán

đồ chúng vì hoàn cảnh thời cuộc, mà cũng vì nhu cầu hoằng Pháp các nơi. Đệ tử của Đạo An là Tuệ Viễn cũng nhân dịp này đến định cư nơi Lư Sơn, dựng lập Đạo tràng, giáo hóa đồ chúng, chuyên tu Tịnh Độ, vang danh một thời.

Tổn Vạn Quân Chỉ Được Một Người

Sau khi Đạo An đến Trường An (379), vua Tần là Phù Kiên 苻堅 (338-385) nói: “Ta dùng mười vạn quân đánh chiếm Tương Dương, kết quả chỉ có được một người rưỡi. Ngài Đạo An là một người, còn Tập Tạc Sĩ là nửa người!” Do đó có thể thấy, Phù Kiên kính trọng Đạo An như thế nào.

Chúng ta cũng cần biết thêm vài điều về mối quan hệ giữa Tập Tạc Sĩ và Thích

Đạo An. Tập Tạc Sĩ là một Danh sĩ đương thời, tinh thâm Nho học, rất giỏi văn chương, thi phú. Khi đến thăm Ngài Đạo An, ông tự giới thiệu mình:

-Tứ hải Tập Tạc Sĩ (Bốn biển Tập Tạc Sĩ).

Câu này có thể hiểu: Tôi là Tập Tạc Sĩ lừng danh bốn biển! Trong khẩu khí có phần ngạo mạn.

Nghe vậy, Ngài Đạo An liền đáp:

-Di Thiên Thích Đạo An (Trùm Trời Thích Đạo An).

Câu này có ý: Còn tôi là Thích Đạo An, có Phật Pháp bao phủ cả trời!

Tập Tạc Sĩ tin phục trước sự nhanh trí và sâu sắc của Ngài. Đứng về mặt văn chương, “trùm trời” đối với “bốn biển” là

quá chuẩn. Đứng về mặt ẩn ý, “bốn biển” tuy lớn nhưng vẫn nằm trong “vòm trời” trí tuệ Phật Pháp của Thích Đạo An! Sau đó, càng gần gũi, càng bàn luận, Tập Tạc Sĩ càng kính trọng đạo hạnh và tri thức quán thông kim cổ của Đạo An. Tập Tạc Sĩ từng nói: “Đến đây gặp Thích Đạo An hơn xa những Đạo sĩ phi thường. Thầy trò mấy trăm người đều tinh tấn giảng kinh không biết mệt. Đạo An tuy không có thuật biến hóa có thể làm mê mờ tai mắt của thường nhân (thần thông), cũng không có uy lớn thế mạnh (thế lực chính trị) để chỉnh lý sự sai biệt của những người nhỏ, nhưng Thầy trò của Ngài đều trang nghiêm, tôn kính lẫn nhau một cách tự nhiên.”⁷

7. 《高僧傳》「來此見釋道安。故是遠勝非常道士。師徒數百齋講不倦。無變化技術可以惑常人之耳目。無重威大勢可以整群小之參差。而師徒肅肅自相尊敬。洋洋濟濟乃是吾

Vua Tần Phù Kiên ngoài việc hỏi Phật Pháp, còn thỉnh ý Ngài về việc chính sự. Đạo An với lý niệm “Phật Pháp muốn hưng thịnh, cần phải nhờ vào sự trợ giúp của quốc vương,” nên bắt đắ dĩ phải gần gũi, qua lại với vua Tiền Tần. Đạo An hoẵng Pháp nơi Chùa Ngũ Trùng, Tăng chúng theo học lên đến số vài ngàn người.

Tư tưởng Phật học

Về tư tưởng Phật học, Đạo An y cứ vào việc đọc và so sánh những bản dịch khác nhau của Đại Phẩm và Tiểu Phẩm Bát-nhã để chỉnh lý và sắp xếp lại hệ thống lý luận của *Kinh Bát-nhã*. Tăng Duệ (僧叡 ?-?), một trong “Quan Trung Tứ Thánh”, học trò xuất sắc của Ngài Cựu-ma-la-thập

由來所未見。]Cao Tăng Truyện, Đại Chánh Tạng, q. 50, kinh 2059, tr. 352c.

(Kumarajīva 344-413), gọi đó là “Tông Tánh Không”, còn Đàm Tế (曇濟 ?-?) đời Lưu Tống trong quyển *Lục Gia Thất Tông Luận* gọi đó là “Tông Bốn Vô”. Từ “bốn vô” có gốc từ tiếng Phạn Tathatā, dịch là “như”. Đạo An trong *Bài Tựa Kinh Đạo Hành* bảo: “Chấp nơi đạo, nắm cái có, thì có thấp cao khác nhau. Đây là phạm trù hữu vi, không phải là *nương chân như, đạo pháp tánh, âm thầm không tên*. Nương chân như, đạo pháp tánh, âm thầm không tên, đây là chỗ huyền áo của *Trí Độ (Bát-nhã Ba-la-mật)*” (執道御有, 卑高有差, 此有為之域耳, 非據真如、游法性, 冥然無名也。據真如, 游法性, 冥然無名者, 智度之奧室也).

Trong bài *Tựa Lược Giải Hợp Kinh Phóng Quang và Quang Tán Bát-nhã*, Ngài nói: “Bát-nhã Ba-la-mật là gốc đạo vô

thượng chánh chân. Chánh là bình đẳng, là nhập bất nhị. Đạo bình đẳng có ba nghĩa: (1) *pháp thân*, (2) *như* và (3) *chân tế*. Cho nên *Kinh Bát-nhã* lấy *như* làm mở đầu, lấy *pháp thân* làm tông thú. *Như* là như vậy, bản mặt bình đẳng như vậy, không thể khiến nó không như vậy. Phật dù có ra đời hay tịch diệt, nó vẫn thường tồn như vậy, tự do không dựa vào đâu, nên gọi là *như*. Pháp thân là *một*, là *thường tịnh*, có không đều thanh tịnh, chưa từng có tên. Cho nên, [Bát-nhã] ở nơi giới thì không có *giới*, không có phạm giới, ở nơi định thì không có định, không có loạn; ở nơi trí thì không có trí, không có ngu. Quên hết như vậy, dứt sạch hai ba, sáng sạch không nhiễm nên gọi là *tịnh*, là *đạo thường*. *Chân tế* là không có dính mắc (vô sở trước), rỗng rang không động, trong lặng huyền

tề, không làm mà không có gì không làm (vô vi dã vô bất vi dã). Muôn pháp hữu vi nhưng pháp này sâu lặng, nên nói *vô sở hữu* là chỗ *chân thật* của pháp.”

Có thể nói Ngài là người thâm ngộ ý chỉ *Kinh Bát-nhã*. Kiến giải này được kế thừa bởi cao đồ của Đạo An là Ngài Tuệ Viễn. Tuệ Viễn lại hấp thu lý luận hệ Trung Quán “chẳng phải có, chẳng phải không” của Cưu-ma-la-thập. Tuệ Viễn trong *Bài Tựa Chép Đại Trí Luận* tiến thêm một bước, lấy lý luận *pháp tánh* làm chủ.

Những cống hiến kiệt xuất

Đạo An có địa vị vô cùng trọng yếu trong lịch sử Phật giáo Hán Truyền vì những sự cống hiến kiệt xuất của mình.

1. Ghi Lại Thư Mục Kinh Phật

Từ đời Hán, Ngụy đến đời Tấn, kinh điển phiên dịch đã nhiều, nhưng người phiên dịch phần lớn không ghi tên. Người sau truy tìm thực khó biện biệt đâu là chân ngụy, cũng như niên đại phiên dịch. Đạo An là người đầu tiên giải quyết vấn đề này. Ngài biên quyển *Tông Lý Chúng Kinh Mục Lục* 綜理眾經目錄, còn được gọi là *Đạo An Lục* hay *An Lục*, xác định niên đại, chú rõ dịch giả, biện biệt chân ngụy, đánh giá ưu liệt, trở thành tiêu chuẩn để những bộ kinh lục đời sau noi theo.

2. Phương pháp nghiên cứu hợp bản

Ngài là người xét lại và bỏ dùng phương pháp *cách nghĩa* 格義 để lý giải và phiên dịch từ ngữ Phật Pháp. Ngài đề xướng dùng phương pháp *hợp bản* 合本,

nhằm trả lại bản ý nghĩa lý của Phật giáo. *Cách nghĩa* là mượn từ ngữ và tư tưởng có sẵn của Trung Quốc như huyền học của Đạo gia để dịch và hiểu kinh điển Bát-nhã. Ví dụ, dùng khái niệm *bản vô* hay *tự nhiên* để biểu đạt *tánh không* của Phật giáo. Còn phương pháp *hợp bản* là so sánh đối chiếu những bản dịch khác nhau của kinh Phật, nhằm tìm hiểu ý nghĩa mà từ ngữ Phật Pháp diễn đạt trong dòng tư tưởng và văn hóa Phật giáo (within the Buddhist context). Nói khác đi, đây là một cách “dùng kinh giải kinh” (dĩ kinh giải kinh), hay trong ngôn ngữ hiện đại là “dùng Phật Pháp nghiên cứu Phật Pháp. Một đời Đạo An lấy nghiên cứu *Kinh Bát-nhã* làm trung tâm. Ngài có được thành quả lớn đương thời là nhờ vào phương pháp nghiên cứu cải tiến này. Cũng nhờ dùng

phương pháp nghiên cứu hợp bản, Đạo An đặc biệt xem trọng việc sưu tập những dịch bản bất đồng. Cũng nhờ đây, Ngài có cơ sở để soạn quyển *Tông Lý Chúng Kinh Mục Lục* và tổ chức dịch trường sau khi vào Tràng An.

3. Quan niệm và lý luận về dịch kinh

Đạo An rất coi trọng việc phiên dịch kinh điển, từng tổ chức dịch trường, viết lời tựa (tựa), bình luận hay dõ, biên tập mục lục. Bàn về việc khó khăn của dịch thuật, Ngài có chủ thuyết “ngũ thất bản, tam bất dị” nổi tiếng. Ngài yêu cầu người dịch phải cẩn thận chu đáo, suy xét tới lui để có thể thấu đáo chỗ sâu kín của kinh điển.

Ngũ thất bản là năm điều đánh mất nguyên bản khi phiên dịch:

1. Cú pháp Phạn văn phần nhiều ngược với câu tiếng Hán, khi dịch thành Hán Văn, dễ đánh mất nghĩa gốc.

2. Phạn văn coi trọng sự chất phác, Hán văn thích trau chuốt, nhưng nếu thiếu văn vẻ thì khó thu hút lòng người. Vì sự trau chuốt của Hán văn, có thể đánh mất nghĩa gốc của Phạn văn.

3. Phạn văn trong kinh Phật thường có lời tán tụng trùng lặp, hay lời dặn dò lặp đi lặp lại. Hán văn lược bớt, có thể làm tổn nghĩa gốc.

4. Phạn văn kinh Phật thường trước dùng văn xuôi thuật sự, lại dùng kệ tụng để khái quát. Dịch văn lược bỏ trùng tụng, cũng làm tổn nghĩa gốc.

5. Phạn văn kinh Phật sau khi thuật xong một việc, trước khi nói đến việc khác, liền lặp lại văn trước một lần nữa. Nhưng khi dịch ra Hán văn, lại bỏ hết chỗ trùng lặp, dễ mất đi nghĩa gốc.

Còn “Tam bất dị” là ba việc không dễ khi phiên dịch:

1. Kinh điển là do đức Phật nói ra trong một thời kỳ nhất định. Xưa và nay phong tục khác nhau, muốn bỏ cái đẹp của thời xưa để thích hợp với đời nay, vừa yêu cầu phải chân thật, vừa muốn ai ai cũng hiểu, là điều không dễ.

2. Đối với trí tuệ vô thượng chánh đẳng của đức Thế Tôn người phàm ngu khó mà tin nhận. Muốn truyền lại lời dạy vi tế từ hơn ngàn năm trước sao cho phù hợp với

phong tục của một trăm đời vua sau, là điều không dễ.

3. Tôn giả A-nan tuyên kinh cách Phật không lâu. Tôn giả Đại Ca-diếp liền khiến năm trăm vị A-la-hán thần thông thẩm xét, ghi nhận. Các bậc A-la-hán đối với kinh điển còn cẩn trọng như thế đó, trong khi mình là kẻ sinh tử mà lại coi việc dịch kinh là bình thường như thế này. Ngày nay, lấy ý cạn của kẻ phàm để đánh giá cảnh giới thoát tục của A-la-hán cả ngàn năm trước là điều không dễ.

Sau khi dẫn đo suy nghĩ, Đạo An thiên hướng về trực dịch, chủ trương văn dịch nên cầu chân thật, không nên lược bỏ hay trau chuốt. Quan điểm này ảnh hưởng tích cực đến việc phiên dịch kinh Phật đời sau.

4. Chia kinh điển làm ba phần

Đạo An chia kinh điển ra làm ba phần: *Phần tự, phần chánh tông, và phần lưu thông* để giải thích văn kinh. Điều này giống hiện nay chúng ta chia một bài văn ra ba phần: mở bài, thân bài và kết luận. Nhưng đương thời có nhiều người phản đối, cho là Ngài tự đặt ra, cố ý làm mới lập dị. Sau đó, khi sách *Phật Địa Kinh Luận* được truyền đến Trung Quốc và dịch ra chữ Hán, trong đó có thuyết phân tích kinh làm ba phần, mới chứng thực cho trí tuệ đi trước thời đại của Đạo An, kế hợp chỗ sâu xa của Phật Pháp. Mô thức chia kinh làm ba phần này sau đó đã trở thành quy phạm cho việc phân tích kinh Phật. Gần đây, Hòa Thượng Thích Tinh Vân, Tông chủ Phật Quang Sơn ở Đài Loan, cũng có

lời bình: “Pháp sư Đạo An đời Đông Tấn luôn chia mỗi bộ kinh Phật làm ba phần: phần tự, phần chánh tông, và phần lưu thông. Phần tự như đầu, phần chánh tông như thân, còn phần lưu thông như chân. Pháp sư Đạo An phân tích và phán định như vậy, mọi người đều khen: ‘Di Thiên cao phán, kim cổ đồng tuân’ (Đạo An phán cao minh, xưa nay đồng kính tin.)”⁸

5. Khai sáng Tịnh Độ Di-lặc ở Trung Quốc

Đạo An tu tập Pháp môn Tịnh Độ Đâu Suất, từng lập thệ trước tượng Di-lặc, nguyện sinh về nội viện cung trời Đâu Suất

8. Xem *Mười Bài Giảng Kinh Bát Đại Nhân Giác*, Sakya Minh-Quang dịch. 東晉時的道安法師把每部佛經都分作三分，就是所謂序分、正宗分、流通分。序分如頭，正宗分如身，流通分如腳。道安法師這樣分判，大家都稱讚說：「彌天高判，今古同遵。」可見這分判的高明。

là Tịnh Độ của Bồ-tát Di-lặc, sau này sẽ cùng tham dự ba hội Long Hoa cùng đức Phật Di-lặc, hộ trì Phật Pháp, rộng độ chúng sinh. Tương truyền, khi sinh tiền Đạo An từng hỏi một vị dị tăng về chỗ sinh của mình. Vị tăng này liền dùng tay vệt phía trời Tây bắc, mây liền tản ra, hiện rõ cảnh trang nghiêm thù thắng của trời Đâu Suất. Đêm đó, mấy mươi người trong chúng đều cùng trông thấy. Xét lúc Ngài ra đi một cách tiêu sái tự do, chắc chắn rằng Ngài đã thành tựu nguyện xưa.

6. Chế định quy củ cho Tăng Ni

Với sinh hoạt Tăng đoàn, đồ chúng đông đảo, nhiều khi đến cả ngàn người, người lãnh đạo phải có quy chế để quản lý và điều hành, nhằm giúp tăng ni giới luật nghiêm minh, oai nghi đầy đủ, theo

tinh thần thanh tịnh và hòa hợp của Tăng đoàn. Cho nên, Đạo An chế định sách *Tăng Ni Quy Phạm* 僧尼規範, *Phật Pháp Hiến Chương* 佛法憲章 để làm quy tắc sinh hoạt và hoạt động cho Tăng đoàn. Sau đó, những quy tắc Tăng đoàn này lưu truyền và phổ biến đến các chùa, trở thành tiêu chuẩn chung cho Tăng Ni noi theo. *Chín Bài Răn Để Lại Cho Đệ Tử Xuất Gia* (Đạo An Pháp Sư Di Giới Cứu Chương) cũng cho thấy Ngài là người đặt tiêu chuẩn rất cao đối với đệ tử xuất gia. Đối với Ngài, người xuất gia phải có lý tưởng giải thoát giác ngộ, hoài bão hoằng Pháp lợi sinh, và chân thật tu giới-định-tuệ.

7. Xác lập họ Thích

Sa-môn thời Ngụy Tấn của Phật giáo Trung Quốc đều lấy theo họ thầy của mình

nên mỗi người thường có họ khác nhau. Đạo An cho rằng đức Phật Thích-ca Mâu-ni là vị Thầy gốc (bốn sư) cũng là Cha lành (từ phụ) của tất cả người xuất gia. Cho nên, Ngài chủ trương người xuất gia dùng họ Thích. Ngài cũng là người đầu tiên đổi từ Trúc Đạo An thành Thích Đạo An. Ban đầu, cũng có không ít người phản đối, cho là “tiêu tân lập dị” (bày mới lập dị). Nhưng sau khi *Kinh Tăng Nhất A-hàm* được Đàm-ma Nan-đề dịch ra Hán văn năm 384, quả nhiên có câu: “Tứ hà nhập hải, vô phục hà danh. Tứ tánh xuất gia, đồng xưng Thích tử” (Bốn sông về biển, bỏ mất tên riêng; bốn họ xuất gia, đồng con họ Thích,” nên mọi người mới lần lần chấp nhận vì hợp với kinh điển.⁹ Từ đó, người

9. *Cao Tăng Truyện*《高僧傳》「後獲增一阿含。果稱四河入海無復河名。四姓為沙門皆稱釋種」*Đại Chánh Tạng* 50, kinh 2059, tr. 353a-c.

xuất gia ở Trung Quốc và sau này các nước Đại Thừa Đông Á, như Việt Nam, Nhật Bản, Triều Tiên..., chịu ảnh hưởng của kinh điển Hán truyền, cũng lấy họ Thích làm định chế, đến nay đã hơn một ngàn sáu trăm năm.

Thực ra, *Kinh Tăng Nhất A-hàm* đối với Sa-môn Phật giáo gọi chung là “họ Thích” là vấn đề còn cần phải thảo luận. Thuở Phật còn tại thế, các đệ tử sau khi xuất gia đều vẫn giữ nguyên tục danh của mình như Ngài Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, Ca-diếp v.v.... Đương thời chư Tăng từ Ấn Độ đến Trung Quốc cũng không có ai họ Thích cả. Ví dụ, Bồ-đề-đạt-ma, Phật-đồ-trùng, Cưu-ma-la-thập v.v.... Các Ngài có vị dùng họ Trúc để biểu thị từ Thiên Trúc Ấn Độ đến, có vị dùng Phật, Pháp, hay

Tăng làm họ. Hai vị được ghi nhận là người xuất gia đầu tiên của Phật giáo Trung Quốc là Chu Sĩ Hành và Nghiêm Phật Điều cũng không mang họ Thích. Thực ra, chữ “tứ tánh” trong *Kinh Tăng Nhất A-hàm* nên hiểu là “bốn tập cấp xã hội” cha truyền con nối, mà không phải là “bốn họ.” Bởi lẽ, Ấn Độ không chỉ có bốn họ, còn “tứ tánh” là chỉ bốn tập cấp xã hội kế thừa: Bà-la-môn, Sát-đế-lợi, Phệ-xá và Thủ-đà-la.

Cho nên, người xuất gia đổi họ thành họ Thích có lẽ là sáng kiến riêng của Ngài Đạo An, mà không phải là cách làm của thời Phật tại thế hay ở Ấn Độ sau này. Nhưng đây là sáng kiến rất hay, nhằm hòa hợp chư Tăng thành một khối thống nhất trong đại gia đình Phật Pháp, lấy Phật

làm Cha, lấy Pháp làm Mẹ. Đây là khế cơ, phù hợp văn hóa xã hội Đông Á. Về mặt Pháp nghĩa, quan hệ giữa đức Phật và đệ tử thường được xem là quan hệ giữa Cha và Con. Ví dụ, trong *Kinh Pháp Hoa*, phẩm Thí Dụ thứ ba nói về Cha cứu con trong nhà lửa, phẩm Tín Giải thứ tư nói về cùng tử gặp lại người Cha giàu có thuở xưa, và phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ mười sáu nói về người Cha là thầy thuốc phải giả chết cho con uống thuốc v.v...

Những tác phẩm của Đạo An

1. Trước tác

Đạo An nghiên cứu tinh thâm Bát-nhã, trước tác nhiều tác phẩm liên quan như: *Phóng Quang Chiết Trung Giải*, *Phóng Quang Bát-nhã Tích Nghi Chuẩn*, *Quang Tán Sao Giải*, *Thật Tướng Nghĩa*, *Tánh*

Không Luận v.v.... Ngoài ra, Ngài còn chú thích kinh điển gồm hai mươi hai quyển, tham dự phiên dịch *Kinh A-hàm* và *Phật Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ* v.v.... Tuy nghiên cứu chính là *Kinh Bát-nhã*, nhưng Ngài cũng tinh thông A-hàm, A-tỳ-đạt-ma.¹⁰ Ngài Đạo An có nhiều tác phẩm giá trị, nhưng tiếc rằng hiện nay phần lớn đã mất. Ví dụ, sách *Thật Tướng Luận*, được Lục Trùng đời Lưu Tống ghi lại trong sách *Pháp Luận Pháp Tánh Tập* của mình. Nhưng hiện nay sách này chỉ còn phần mục lục, thấy ghi ở quyển 12 sách *Xuất Tam Tạng Ký Tập* của Tăng Hựu. Ngoài ra, một bộ sách giá trị khác của Ngài là *Tông Lý Chứng Kinh Mục Lục* còn được ghi rõ tình hình cơ bản để tham khảo trong sách *Xuất Tam Tạng*

10. Xem *Trung Quốc Phật Giáo Cao Tăng Toàn Tập*, “Đạo An Đại Sư Truyện”.

Ký Tập của Tăng Hựu. Học giả Nhật Thường Bàn Đại Định từng khôi phục mục lục của sách *Tông Lý Chúng Kinh Mục Lục*. Ngoài những trước tác trên, Đạo An còn viết nhiều bài tựa cho có các bản kinh dịch đương thời.

2. Bài Tựa của các bản kinh

Đạo An viết nhiều bài tựa (tự) hay lời nói đầu cho các bản kinh đương thời như “Chú Thích Kinh An-ban Thủ Ý Tự”, “Ấm Trì Nhập Kinh Tự”, “Nhân Bản Dục Sinh Kinh Tự”, “Liễu Bản Sinh Tử Kinh Tự”, “Thập Nhị Môn Kinh Tự”, “Đại Thập Nhị Môn Kinh Tự”, “Đạo Hành Kinh Tự”, “Lược Giải Hợp Phóng Quang, Quang Tán Tự”, “Tăng Nhất A-hàm Kinh Tự”, “Đạo Địa Kinh Tự”, “Thập Pháp Cú Nghĩa Kinh Tự”, “A-tỳ-đàm Kinh Tự”, “Thập Tứ Quyển

Tỳ-bà-sa Tụ”, “Tiệm Bị Kinh Thập Trụ Hồ Danh Tịnh Thư Tụ”. Những bài tựa này, Tăng Hựu trong sách *Xuất Tam Tạng Ký Tập* ghi là “không rõ tác giả”, nhưng học giả cận đại Thang Dụng Đồng cho rằng là do Đạo An soạn. Những tác phẩm trên đều còn, được lưu giữ trong *Xuất Tam Tạng Ký* của Tăng Hựu.

3. Thư Từ Qua Lại

Gồm có những thư từ mà Đạo An hồi đáp bạn đồng học là Trúc Pháp Thái liên quan đến những câu hỏi như thế nào là ba thừa, sáu thông, và thần là gì v.v.... Hiện nay đều đã mất.

An Nhiên Thị Tịch

Vào ngày mừng tám tháng hai năm 385, nhằm Niên hiệu Thái Nguyên thứ 10,

đời Tấn Hiếu Vũ Đế, Đạo An bỗng bảo Đại chúng: “Ta sắp ra đi.” Sau khi thọ Ngộ trai xong, Ngài không bệnh mà an lành viên tịch, hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi.

Xưa nay bình phẩm

Sự cống hiến của Đạo An đối với sự phát của Phật giáo Trung Quốc có thể nói công cao cái thể, đức trùm bốn biển. Cho nên, từ xưa đến nay có rất nhiều đánh giá và xưng tán về Đạo nghiệp của Ngài. Tấn Hiếu Vũ Đế xuống chiếu khen rằng: “Pháp sư Đạo An khí lượng và kiến thức siêu luân, văn phong và ngôn vận trong sáng, ở nơi đạo mà dạy hàng tục, chứng ngộ và công tích đều nổi bật, đâu chỉ làm khuôn phép để cứu giúp đời nay, mà còn là thuyền bè tiếp dẫn ở tương lai.”¹¹

11. 《高僧傳》「晉孝武皇帝。承風欽德遣使通問。并有詔曰。安法師器識倫通風韻標朗。居道訓俗徽績兼著。

Pháp sư Cưu-ma-la-thập khen ngợi Ngài là “Thánh nhân phương Đông.” Như sách Ngụy Thư, phần “Thích Lão Chí” có ghi: “Lúc đó Tây Vực có Sa-môn người Hồ tên Cưu-ma-la-thập. Ông là người thông đạt Phật Pháp. Đạo An muốn cùng La-thập bàn luận kinh Phật, thường khuyên vua Phù Kiên mời La-thập đến. La-thập cũng được Đạo An viết thư thăm hỏi. La-thập cho rằng đó là “Thánh nhân phương Đông”, có lúc từ xa bái vọng tỏ lòng kính trọng.”¹²

Học giả cận đại Lương Khải Siêu bình luận: “Giả sử Phật giáo chúng ta mất đi một

豈直規濟當今。方乃陶津來世」*Cao Tăng Truyện, Đại Chánh Tạng* 50, kinh 2059, tr. 352c20-22.

12. 《魏書》卷一一四，〈釋老志十〉第二十：「時西域有胡沙門鳩摩羅什，思通法門，道安思與講釋，每勸堅致羅什。什亦承安令問，謂之東方聖人，或時遙拜致敬。」。

Thích Đạo An, thì việc có thể trở thành một nước lớn hay không, tôi không dám nói.”¹³

Kết luận

Tóm lại, người xưa nói: “Lấy sử làm gương, có thể biết được sự hưng suy” (Dĩ sử vi giám, khả dĩ tri hưng thố). Cuộc đời và Đạo nghiệp của Pháp sư Đạo An là một bài học lịch sử vô cùng quý giá. Ngài đã viết nên những trang sử vàng son cho Phật giáo đương thời. Cũng vậy, người con Phật đang sống và hành Đạo hiện nay cũng đang viết những trang sử cho Phật giáo ở tương lai. Người sau sẽ đánh giá về công tội của chúng ta trên những trang sử huy hoàng hay hoen ố mà mình viết ra,

13. Lương Khải Siêu 梁啟超, *Phật Giáo Giáo Lý Tại Trung Quốc Chi Phát Triển* 佛教教理在中國之發展, “Phật Học Nghiên Cứu Thập Bát Thiên” 佛學研究十八篇, Trung Hoa Thư Cục, 1956, tr. 3.

cũng như chúng ta đang đọc và đánh giá lại những trang sử mà người xưa để lại.

Nhân dịp giới thiệu bản dịch *Lời Cảnh Sách Để Lại Môn Nhân* của Pháp sư Đạo An, bút giả biên soạn lại cuộc đời và Đạo nghiệp của Ngài, mục đích chính là cảnh sách lấy mình và kết duyên cùng các huynh đệ đồng tu. Cuộc đời và Đạo nghiệp của Pháp sư Đạo An cũng chính phần thân giáo cảnh sách, bổ túc cho phần ngôn giáo cảnh sách của Ngài, một nội dung chính trong quyển *Phật Tổ Cảnh Sách*.

Nam-mô Bốn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật.

Tu Viện Thiện Tường ngày 11 tháng 05,
năm 2018

Hậu học Sakya Minh-Quang biên soạn

ĐẠO AN CẢNH SÁCH

Lời Răn Để Lại Cho Đệ Tử Của Pháp Sư Đạo An

道安法師遺誡九章以訓門人

- Đại Chánh Tạng 48, trang 1050b-1051b
-Hòa thượng Thích Thiền Tâm dịch kệ tụng
-Sakya Minh-Quang dịch lời từ và lược giảng

PHẦN CẢNH SÁCH

Lời Răn Để Lại Cho Đệ Tử của Pháp Sư Đạo An

Giã từ các đệ tử,

Xuất gia hành Đạo, là việc nặng nhất, khó nhất, không nên tự khinh thường, không nên tự dễ dãi. Xuất gia là việc nặng vì phải gánh vác đạo đức, giữ gìn nhân nghĩa, phụng trì tịnh giới, đến chết mới thôi. Xuất gia là việc khó vì phải dứt bỏ thế tục, cắt ái từ thân, chuyển hóa tình tánh, không đồng với người, làm việc người không thể làm, dứt việc người không thể dứt, chịu khổ chịu nhục, hy sinh thân mạng, nên gọi là khó.

[Người xuất gia] gọi là đạo nhân. Đạo nhân là người dẫn dắt người khác, nên việc làm phải gương mẫu, lời nói phải chuẩn mực. Mặc áo xuất gia, làm việc gì cũng phải hợp với khuôn phép, không tham, không tranh, không nịnh, không dối; học vấn cao xa, chí giữ huyền mặc. Đạo nhân danh đứng vào hàng Tam Tôn, tịnh hóa thân tâm, thành bậc hiền thánh. Vì vậy, đạo nhân được quân vương không mong đền ân, cha mẹ chẳng trông báo hiếu. Người trong thiên hạ đều quy ngưỡng nường về, bớt phần vợ con để cúng dường cơm ăn áo mặc, hạ mình lễ bái, không nài lao nhọc. Đây là do người xuất gia ý chí cao xa, hạnh tu thanh tịnh, cảm thông với thần minh, đạm bạc trong sạch, thực hiếm thực quý.

Tự mình phóng túng đạo pháp mới suy đồi. Người mới học chưa hiểu pháp tắc, bỏ chánh chấp tà, quên mất chân thực, lấy thông minh vật cho là trí, dùng lợi cúng nhỏ cho là đủ, suốt ngày ăn no, không chỗ dụng tâm. Nếu lui bước tự xét lại mình, cũng thấy thực rất đáng thương! Xét ra, ngày nay xuất gia, có người đã nhiều năm mà kinh pháp không thông, văn tự chẳng rõ, luống mất một đời, không chút thành tựu. Những việc như vậy, há chẳng biết suy nghĩ kỹ sao? Đại hạn vô thường đến, không sớm thì tối, không luận mạnh yếu, phải chịu đau khổ nơi ba đường. Vì nghĩa thầy trò sâu nặng, nên mới chỉ ra, những ai có đạo tình, xin lấy đây mãi mãi làm lời răn nhắc.

Ông đã xuất gia
Xa lìa mẹ cha
Cạo tóc hủy hình
Khoác mảnh áo đà
Ngày từ thân thuộc
Lớn nhỏ lệ sa;
Diệt tình vui đạo
Chí cao thiên hà.
Nên giữ tâm ấy
Học nghiệp cho mình
Nếu còn đem tâm
Theo đường sắc thính
Lũng lơ năm tháng
Đạo nghiệp không thành
Đức hạnh ngày tổn
Tiếng xấu ngày sinh
Thầy bạn hổ thẹn
Người tục cười khinh
Xuất gia như thế

Chỉ thêm nhục mình.
Nay lời khuyên nhắc
Phải gắng chuyên tinh.

Ông đã xuất gia
Phụ tình quân thân
Phải nên cố gắng
Chí nhìn thanh vân
Xa miền danh sắc
Phong thái siêu trần
Vàng bạc chẳng quý
Duy đạo là hơn
Giữ tiết thanh cao
Nghèo khổ không sờn
Tu đức độ mình
Độ khắp thế nhân.
Nếu như cải tiết
Theo thói phong trần
Ngồi chẳng ấm chiếu

Chạy khắp tây đông
 Thân như sai dịch
 Danh lợi mê lòng
 Giới đức kém thiếu
 Đạo lý chẳng thông
 Đàn tín bình luận
 Bạn hữu xa dần
 Xuất gia như thế
 Năm tháng uống công
 Nay lời khuyên nhắc
 Tự thương tự phòng.

Ông đã xuất gia
 Tối hoặc thông minh
 Học dù nhiều ít
 Hạnh gắng chuyên tinh
 Bạc thượng thiên quán
 Bạc trung tụng kinh
 Bạc hạ tu phước

Chùa tháp kinh dinh
Đâu nên hôm sớm
Một việc không thành
Xuất gia như thế
Luống uống kiếp sinh
Nay lời khuyên nhắc
Chớ phụ lấy mình.

Phần Lược Giảng

Lời Răn Để Lại Cho Đệ Tử của Pháp Sư Đạo An

Lời Từ 1

Chữ Hán:

敬謝諸弟子等。夫出家為道至重至難。不可自輕不可自易。所謂重者。荷道佩德榮仁負義。奉持淨戒死而有已。所謂難者。絕世離俗永割親愛。迴情易性不同於眾。行人所不能行。割人所不能割。忍苦受辱捐棄軀命。謂之難者。

Phiên âm:

Kính tạ chư đệ tử đấng. Phù xuất gia vi đạo chí trọng chí nan. Bất khả tự khinh,

bất khả tự dị. Sở vị trọng giả, hà đạo bội đức, oanh nhân phụ nghĩa, phụng trì tịnh giới, tử nhi hữu dĩ. Sở vị nan giả, tuyệt thế ly tục, vĩnh cát thân ái, hồi tình dịch tánh bất đồng ư chúng. Hành nhân sở bất năng hành, cát nhân sở bất năng cát, nhẫn khổ thọ nhục, tổn khí xu mệnh, vị chi nan giả.

Dịch nghĩa:

Giã từ các đệ tử,

Xuất gia hành Đạo, là việc nặng nhất, khó nhất, không nên tự khinh thường, không nên tự dễ dãi. Xuất gia là việc nặng vì phải gánh vác đạo đức, giữ gìn nhân nghĩa, phụng trì tịnh giới, đến chết mới thôi. Xuất gia là việc khó vì phải dứt bỏ thế tục, cắt ái từ thân, chuyển hóa tình tánh, không đồng với người, làm việc

người không thể làm, dứt việc người không thể dứt, chịu khổ chịu nhục, hy sinh thân mạng, nên gọi là khó. Đây gọi là Đạo nhân.

Lược giảng:

Bài cảnh sách này không biết được viết ra vào năm nào. Nhưng theo tựa đề và nội dung, có lẽ Pháp sư Đạo An (312-385) viết ra khi lúc sắp viên tịch. Cho nên, bài văn này vừa sâu sắc vừa tha thiết, như lời tâm huyết cuối cùng của người Cha để lại cho con hay người Thầy để lại cho trò. Nội dung gồm một bài từ mở đầu và chín bài kệ tụng tiếp theo. Bút giả dịch bài từ và chia ra ba phần để giảng. Hòa thượng Thiền Tâm dịch ba trong số chín bài kệ tụng. Đó là bài số một, bài số hai và bài số tám theo thứ tự.

Mở đầu bài cảnh sách, Ngài Đạo An nêu ra cụ thể bốn phận nặng nề và khó khổ của người xuất gia: “Xuất gia hành Đạo, là việc nặng nhất, khó nhất, không nên tự khinh thường, không nên tự dễ dãi.”

Ngày nay, nhiều người cho rằng xuất gia là việc dễ, chỉ cần xuống tóc vào chùa gọi là xuất gia. Thậm chí, có người xuống tóc chưa bao lâu, hầu thầy lập hạnh chưa có, kinh luật chưa thông, đã được thọ giới đấp y, dự lễ Trai Tăng, nhận người đánh lễ cúng dường! Ở Hoa Kỳ, có những vị lớn tuổi xuống tóc xuất gia, bất kể hạ lạp nhiều ít, liền được tấn phong làm Thượng tọa, hay Hòa thượng! Cho nên mới có câu:

Ngày xưa Thượng tọa thì chày

Ngày nay Thượng tọa một ngày là xong!

Hiện nay, có nhiều vị tùy tiện độ người xuất gia, dễ dãi cho phép thọ giới. Thầy đã không dạy trò nghiêm khắc, trò cũng không trải qua quá trình đồng hành, hay tập sự xuất gia theo quy củ Thiên môn. Vì vậy, chất lượng tăng ni suy giảm, thậm chí rỗng rảnh lẫn lộn, khiến Phật Pháp suy đồi.

Cho nên trong giới luật quy định, người muốn thọ nhận đệ tử xuất gia phải mười hạ trở lên (nếu là ni cần hai mươi hạ trở lên), có giới đức, ít nhất phải thông hiểu tạng luật. Khi có người xin xuất gia, vị thầy phải nói chỗ khó khổ của đời sống xuất gia để kiểm chứng tâm ý của vị đó, mà không thể tùy tiện độ người.¹⁴ Cho nên, Ngài Đạo An mở đầu bài răn đã nói đến

14. Xem *Thích Thánh Nghiêm*, chương “Tổ Sư Thọ Giới Đích Tử Cách”, sách *Luật Chế Sinh Hoạt*: Phật Giáo Đích Ẩm Thực Quy Chế, tr. 3.

bốn phận nặng nhọc của người xuất gia và sự khó khổ của đường tu.

Sao xuất gia gọi là việc nặng? Ngài Đạo An giải thích: “Xuất gia là việc nặng vì phải gánh vác đạo đức, giữ gìn Nhân Nghĩa, phụng trì tịnh giới, đến chết mới thôi.”

Ở đây, chúng ta thấy Ngài dùng từ *đạo đức* của Lão Trang, *nhân nghĩa* của Nho giáo và *tịnh giới* của Phật giáo. Việc giải thích này cũng mang dấu vết *cách nghĩa*, tức dùng từ ngữ và khái niệm có sẵn của Trung Quốc để giải thích kinh điển Phật giáo trong thời kỳ đầu. Đạo đức và nhân nghĩa ở đây được dùng để người Trung Quốc thời đó quen lẫm và chấp nhận tinh thần giới luật của Phật giáo.

Giới luật là mạng mạch của Phật Pháp, giới luật còn là Phật Pháp còn. Cho nên người xuất gia nghiêm trì tịnh giới ngoài mục đích giải thoát của tự thân, còn để Chánh Pháp cứu trụ. Đây chính là trách nhiệm nặng nề của người xuất gia.

Sao xuất gia gọi là việc khó? Ngài Đạo An bảo: “Xuất gia là việc khó vì phải dứt bỏ thế tục, cắt ái từ thân, chuyển hóa tình tánh, không đồng với người, làm việc người không thể làm, dứt việc người không thể dứt, chịu khổ chịu nhục, hy sinh thân mạng, nên gọi là khó.”

Trong những điều nêu trên, chỉ nói nhẫn nhục thôi đã là rất khó. Chúng ta có thể ôn lại lời đức Phật dạy về nhẫn nhục trong *Kinh Di Giáo*:

-Này các thầy Tỳ-kheo, nếu có người chặt đứt thân ông ra từng phần, hãy nên thu nhiếp tâm, không để sân hận khởi. Cũng nên giữ cửa miệng, đừng thốt ra lời ác. Nếu tâm sân nổi lên sẽ tự mình chướng Đạo, đánh mất vốn công đức. Công đức của nhẫn nhục còn lớn hơn công đức của trì giới, khổ hạnh! Người nhẫn nhục như vậy mới có thể gọi là bậc đại nhân sức mạnh. Ai không thể hoan hỷ nhẫn chịu độc mắng chửi như uống nước cam lộ thì không thể gọi là người nhập đạo trí tuệ.

Như vậy, chỉ nhu hòa nhẫn nhục thôi đã rất khó làm, huống chi là “cắt ái từ thân, (...) làm việc người không thể làm, dứt việc người không thể dứt, chịu khổ chịu nhục, hy sinh thân mạng”! Cho nên,

Cổ đức bảo: “Xuất gia là việc làm của bậc đại trượng phu, chẳng phải tướng văn tướng võ có thể làm được” (xuất gia giả nãi đại trượng phu chi sự, phi tướng tướng chi sở năng vi).

Lời Từ 2

Chữ Hán:

名曰道人。道人者。導人也。行必可履言必可法。被服出家動為法則。不貪不諍不讒不匿。學問高遠志在玄默。是為名稱參位三尊。出賢入聖滌除精魂。故得君主不望其報。父母不望其力。普天之人莫不歸攝。損妻減養供奉衣食。屈身俯仰不辭勞恨者。以其志行清潔通於神明。憚怕虛白可奇可貴。

Phiên Âm:

Danh viết đạo nhân. Đạo nhân giả, đạo nhân dã. Hành tất khả lý, ngôn tất khả pháp. Bị phục xuất gia, động vi pháp tắc. Bất tham bất tranh bất sàm bất nặc. Học vấn cao viễn, chí tại huyền mặc. Thị vi danh xứng tham vị tam tôn, xuất hiền nhập thánh, địch trừ tinh hồn. Cố đắc quân chủ bất vọng kỳ báo, phụ mẫu bất vọng kỳ lực, phổ thiên chi nhân mạc bất quy nhiếp. Tổn thê giảm dưỡng, cung phụng y thực. Khuất thân phủ ngưỡng bất từ lao hận giả. Dĩ kỳ chí hạnh thanh khiết, thông ư thần minh, đạu bạc hư bạch, khả kỳ khả quý.

Dịch nghĩa:

[Người xuất gia] gọi là đạo nhân. Đạo nhân là người dẫn dắt người khác, nên việc làm phải gương mẫu, lời nói phải chuẩn

mục. Mặc áo xuất gia, làm việc gì cũng phải hợp với khuôn phép, không tham, không tranh, không nịnh, không dối; học vấn cao xa, chí giữ huyền mặc. Đạo nhân danh đứng vào hàng Tam Tôn, tịnh hóa thân tâm, thành bậc hiền thánh. Vì vậy, đạo nhân được quân vương không mong đền ân, cha mẹ chẳng trông báo hiếu. Người trong thiên hạ đều quy ngưỡng nường về, bớt phần vợ con để cúng dường cơm ăn áo mặc, hạ mình lễ bái, không nài lao nhọc. Đây là do người xuất gia ý chí cao xa, hạnh tu thanh tịnh, cảm thông với thần minh, đạm bạc trong sạch, thực hiếm thực quý.

Lược giảng:

Người xuất gia được gọi là đạo nhân, tức người xả tục theo đạo. Đạo là giác ngộ,

cách dịch khác của chữ bồ-đề (bodhi). Vậy đạo nhân có thể hiểu là người đeo đuổi sự nghiệp giác ngộ, như đức Phật thuở xưa. Thành đạo cũng chính là thành Phật. Đại Trí Độ Luận nói: “Người đắc đạo gọi là đạo nhân, những người chưa đắc Đạo cũng gọi là Đạo nhân” (得道者，名為道人。餘出家者，未得道者，亦名道人). Như vậy, đạo nhân chỉ người đã đắc đạo như Chứng Đạo Ca nói: “Tuyệt học vô vi: Đạo nhân nhàn” (絕學無為閒道人). Đạo nhân chỉ người đang đi trên đường đạo nhưng chưa chứng đạo như Kinh Tứ Thập Nhị Chương nói: “Đạo nhân thấy dục phải nên tránh xa” (道人見欲，必當遠之).

Trong ngôn ngữ và văn hóa Trung Quốc, đạo nhân chỉ người có đạo thuật, đồng nghĩa với đạo sĩ của Đạo giáo. Sau

thời Bắc Ngụy Thái Vũ Đế (408-452), từ đạo nhân hay đạo sĩ lần lần trở thành từ chuyên dụng của Đạo giáo. Vào thời Ngài Đạo An, từ đạo nhân chỉ cho người xuất gia Phật giáo còn rất thông dụng.

Lại nữa, từ đạo nhân tương đương với từ sa-môn (śramana), chỉ người xuất gia ở Ấn Độ. Sa-môn được dịch nghĩa là *cần túc*, được giải thích: *cần* tu giới định tuệ, *túc* diệt tham sân si, *tức* siêng tu giới định tuệ, *dứt trừ* tham sân si.

Ngài Đạo An định nghĩa từ đạo nhân theo cách của riêng mình: “Đạo nhân giả, đạo nhân dã” (道人者導人也). “Đạo nhân là người dẫn đường cho người khác.” Đây là Ngài chỉ trách nhiệm cao quý của người xuất gia là thay Phật hoằng Pháp, nên trước phải gương mẫu (thân giáo) cho

người, rồi sau mới có thể chỉ dạy (khẩu giáo) con đường giác ngộ.

Cho nên, kế tiếp Ngài bảo: “Mặc áo xuất gia, làm việc gì cũng phải hợp với khuôn phép, không tham, không tranh, không nịnh, không dối; học vấn cao xa, chí giữ huyền mặc.”

Không tham lam, không tranh hơn thua với đời là bản chất của người tu. Nếu đánh mất bản chất này, dù có xuống tóc đắp y, cũng không phải là người tu chân chính, vì trái với ý nghĩa sa-môn: “siêng tu giới định tuệ, dứt trừ tham sân si.”

Không dua nịnh, lấy lòng người giàu có, quyền quý để cầu danh lợi là khí tiết của người tu. Người tu nếu đánh mất khí tiết này thì không xứng đáng đứng vào

hàng ngũ Tăng bảo. *Kinh Di Giáo* đức Phật dạy:

-Này các thầy Tỳ-kheo, tâm dua nịnh trái Đạo! Cho nên phải giữ tâm luôn chân thực ngay thẳng. Nên biết tâm dua nịnh chỉ vì dối gạt người. Người đã vào trong Đạo đừng dua nịnh như vậy. Cho nên các ông phải đoan chánh tâm ý mình, lấy tâm ý ngay thẳng làm gốc của tu hành.

“Học vấn cao xa, chí giữ huyền mặc” là phong cách của người tu. Người tu là người có trách nhiệm hướng dẫn đời sống tinh thần của thế gian, nên ngoài giới hạnh ra, cần phải có học vấn cao xa để làm tròn trách nhiệm này. Cổ đức bảo: “Ngọc không giũa, không thành đồ quý; người không học, không thông đạo lý” (Ngọc bất trác

bất thành khí, nhân bất học bất tri đạo). Nhưng quan trọng hơn hết là phải “chí giữ huyền mặc.” *Huyền* là sâu xa kín đáo, *mặc* là im lặng. Người có học vấn chân thật là người suy nghĩ sâu xa, nhưng cần trọng lời nói, biết kính trên nhường dưới.

“Cho nên, đạo nhân xưng danh vào hàng Tam Tôn, xuất hiện nhập thánh, tịnh hóa tinh thần.”

Người xuất gia thọ Đại giới liền vào hàng ngũ Tăng bảo, một trong ba ngôi báu Phật Pháp Tăng, được mọi người tôn trọng, nên cũng gọi là Tam Tôn. Đây là nền tảng để người tu tịnh hóa thân tâm, thành bậc hiền thánh.

Kế tiếp, Ngài Đạo An nhắc đến phước báo mà người xuất gia đang hưởng: “Đạo

nhân được quân vương không mong đền ân, cha mẹ chẳng trông báo hiếu. Người trong thiên hạ đều quy ngưỡng nương về, bớt phần vợ con để cúng dường cơm ăn áo mặc, cung kính lễ bái, không nài lao nhọc.”

Người xuất gia không phải đi lính để đền ơn vua, chẳng cần ở nhà để lo phụng dưỡng cha mẹ. Hơn nữa, người xuất được người tại gia tôn trọng, cung kính đánh lễ, gọi là Thầy, là Đại đức, Thượng tọa v.v..., Tại sao người tu được như vậy? “Đây là do người xuất gia ý chí cao xa, hạnh tu thanh tịnh, cảm thông với thần minh, đạm bạc trong sạch, thực hiếm thực quý.” “Ý chí cao xa, hạnh tu thanh tịnh, đời sống đạm bạc” là những yếu tố giúp nên một người xuất gia hiếm có, đáng quý.

Những điều nêu trên là phước báo của người xuất gia mà cũng là dư phước mà đức Phật đã để lại cho người trưởng tử đức Như Lai. Phật tử vì kính Phật nên trọng Tăng. Nhưng người xuất gia cũng phải thường xét lại đức hạnh của mình, xem có xứng đáng với sự cung kính, cúng dường đó không? Lại nữa, phải thường có tâm tri ân, tinh tấn tu hành, lấy Phật Pháp để đền ơn đáp nghĩa. Cho nên, Ngài Thật Hiền nói một trong mười lý do mà người tu phải phát tâm Bồ-đề là vì đền ơn đàn-na tín thí:

Thế nào gọi là vì nhớ ơn thí chủ?

Chúng ta hiện nay, nhu cầu hàng ngày đều nhờ kẻ khác. Hai thời cơm cháo, bốn mùa áo y, ăn mặc chi phí, bệnh tật thuốc men đều do tín thí cúng dường.

Người ta khó nhọc cày bừa, chưa chắc đủ ăn hai bữa; ta lại ngồi yên thọ nhận, còn chưa vừa ý nợ kia. Người ta may dật chẳng ngơi, sự sống e còn khốn khó, ta nay ăn mặc dư dã, đâu từng quý tiếc đàn na? Người ta lều lá cửa tre, suốt đời lao đao lận đận, ta lại nhà to sân rộng, quanh năm nhàn nhã ung dung! Nhọc nhằn kẻ khác, yên ổn thân ta, hỏi lòng có an chẳng? Lợi ích của người, vun đắp cho mình, xét lý có thuận không?

Nếu mình bi trí chưa tròn, phước tuệ chưa đủ thì ân sâu tín thí, vật cúng đàn na, dù hạt gạo tấc tơ cũng phải đền trả, quả báo xấu ác, sao tránh được đây? Đó là nhân duyên thứ tư phát tâm Bồ-đề.¹⁵

15. Sakya Minh-Quang dịch. Văn Khuyên Phát Tâm Bồ-đề.

Như vậy, Ngài Đạo An nhắc đến phước báo và nhân duyên thù thắng mà người xuất gia đang có để khuyên các đệ tử tinh tấn tu hành, cho xứng đáng với những gì mình đang thọ nhận. Nếu không, như Ngài Thật Hiền nói, phải mang lông đội sừng để đền trả nợ xưa.

Lời Từ 3

Chữ Hán:

自獲荒流道法遂替。新學之人未體法則。著邪棄正忘其真實。以小點為智。以小恭為足。飽食終日無所用心。退自推觀良亦可悲。計今出家或有年歲。經業未通文字不決。徒喪一世無所成名。如此之事可不深思。無常之限非旦即夕。三塗苦痛無強無弱。師徒義深故以申示。有情之流可為永誠。

Phiên Âm:

Tự hoạch hoang lưu đạo pháp toại thể. Tân học chi nhân vị thể pháp tắc, trước tà khí chánh, vong kỳ chân thật, dĩ tiểu hiệt vi trí, dĩ tiểu cung vi túc. Bão thực chung nhật vô sở dụng tâm. Thối tự suy quán lương diệc khả bi. Kế kim xuất gia hoặc hữu niên tuế, kinh nghiệp vị thông, văn tự bất quyết, đồ táng nhất thể vô sở thành danh. Như thử chi sự khả bất thâm tư? Vô thường chi hạn phi đản tức tịch, tam đồ khổ thống vô cường vô nhược. Sư đồ nghĩa thâm cố dĩ thân thị. Hữu tình chi lưu, khả vi vĩnh giới.

Dịch nghĩa:

Tự mình phóng túng đạo pháp mới suy đồi. Người mới học chưa hiểu pháp tắc, bỏ chánh chấp tà, quên mất chân thực, lấy

thông minh vật cho là trí, dùng lợi cúng nhỏ cho là đủ, suốt ngày ăn no, không chỗ dụng tâm. Nếu lui bước tự xét lại mình, cũng thấy thực rất đáng thương! Xét ra, ngày nay xuất gia, có người đã nhiều năm mà kinh pháp không thông, văn tự chẳng rõ, luống mất một đời, không chút thành tựu. Những việc như vậy, há chẳng biết suy nghĩ kỹ sao? Đại hạn vô thường đến, không sớm thì tối, không luận mạnh yếu, phải chịu đau khổ nơi ba đường. Vì nghĩa thầy trò sâu nặng, nên mới chỉ ra, những ai có đạo tình, xin lấy đây mãi mãi làm lời răn nhắc.

Lược giảng:

Mở đầu đoạn này, Ngài Đạo An bảo: “Tự mình phóng túng đạo pháp mới suy đồi.” Câu này một đao trực nhập, đi thẳng

vào vấn đề. Đạo pháp suy đồi là do đâu? Thường chúng ta hay nói thế lực chính trị này, âm mưu tôn giáo kia phá hoại Phật giáo. Nhưng thực ra, như đức Phật đã nói: “Chỉ có trùng trong thân sư tử mới ăn thịt được sư tử, cũng vậy, chỉ có đệ tử Phật mới phá hoại được Phật Pháp, chẳng phải ngoại đạo thiên ma nào phá nổi.”

Kế tiếp, Ngài Đạo An chỉ ra cụ thể những hiện tượng phóng túng của người mới xuất gia và xuất gia lâu năm. Đối với người mới xuất gia: “Người mới học chưa hiểu pháp tắc, bỏ chánh chấp tà, quên mất chân thực, lấy thông minh vặt cho là trí, dùng lợi cúng nhỏ cho là đủ, suốt ngày ăn no, không chỗ dụng tâm.” Còn người xuất gia lâu năm: “Ngày nay xuất gia, có người đã nhiều năm mà kinh pháp không thông,

văn tự chẳng rõ, luống mất một đời, không chút thành tựu.”

Đây cũng là lý do Ngài viết chín bài răn để lại cho đệ tử, với tinh thần: “Phật Pháp hưng vong, tăng ni hữu trách”! Những lời khuyên răn của Ngài rất chân tình và tha thiết. Bút giả vô cùng cảm động khi đọc được những dòng này: “Đại hạn vô thường đến, không sớm thì tối, không luận mạnh yếu, phải chịu đau khổ nơi ba đường. Vì nghĩa thầy trò sâu nặng, nên mới chỉ ra, những ai có đạo tình, xin lấy đây mãi mãi làm lời răn nhắc.”

Đạo tình giữa thầy trò, sâu nặng đến mức đó sao?

Kệ Cảnh Sách 1

Chữ Hán:

卿已出家
 永違所生。
 剃髮毀容
 法服加行。
 辭親之日
 上下涕零。
 剖愛榮道
 意凌太清。
 當遵此志
 經道修明。
 如何無心
 故存色聲
 悠悠竟日
 經業不成。
 德行日損
 穢積遂盈。
 師友慚恥

Phiên âm:

Khanh dĩ xuất gia
 Vĩnh vi sở sanh.
 Thế phát hũy dung
 Pháp phục gia hành
 Từ thân chi nhật
 Thượng hạ thể linh
 Phẫu ái vinh đạo
 Ý lãng thái thanh
 Đương tuân thử chí
 Kinh đạo tu minh
 Như hà vô tâm
 Cố tồn sách thanh
 du du cánh nhật
 Kinh nghiệp bất thành
 Đức hạnh nhật tổn
 Uế tích toại doanh
 Sư hữu tàm sĩ

凡俗所輕。	Phàm tục sở khinh
如是出家	Như thị xuất gia
徒自辱名。	Đồ tự nhục danh
今故誨勵	Kim cố hối lệ
宜當專精	Nghi đương chuyên tinh

Dịch nghĩa:

Ông đã xuất gia
Xa lìa mẹ cha
Cạo tóc hủy hình
Khoác mảnh áo đà
Ngày từ thân thuộc
Lớn nhỏ lệ sa;
Diệt tình vui đạo
Chí cao thiên hà.
Nên giữ tâm ấy
Học nghiệp cho minh
Nếu còn đem tâm
Theo đường sắc thính
Lững lơ năm tháng

Đạo nghiệp không thành
 Đức hạnh ngày tổn
 Tiếng xấu ngày sinh
 Thầy bạn hổ thẹn
 Người tục cười khinh.
 Xuất gia như thế
 Chỉ thêm nhục mình.
 Nay lời khuyên nhắc
 Phải gắng chuyên tinh.

Lược giảng:

Mở đầu, Đạo An tóm lược bốn phận và lý tưởng của người xuất gia:

Ông đã xuất gia
 Xa lìa mẹ cha
 Cạo tóc hủy hình
 Khoác mảnh áo đà
 Ngày từ thân thuộc

Lớn nhỏ lệ sa;
Diệt tình vui đạo
Chí cao thiên hà.

Người xuất gia đầu tròn áo vuông (viên đánh phương bào). Cạo tóc vì quyết ý dứt trừ ái nhiễm phiền não (tự giác), còn đắp y vì nguyện gánh lên mình gia nghiệp hoằng Pháp lợi sinh của Như Lai (giác tha); hay xuống tóc vì: “Diệt tình vui đạo”, còn đắp y vì “Chí cao thiên hà.”

Kinh Phước Điền nói:

Hình hài hũy bỏ
Khí tiết giữ gìn
Ái ân cắt tuyệt
Thân thích dứt tình
Xuất gia học đạo
Hoằng pháp lợi sinh

Nguyện cứu muôn loài
Thoát khỏi khổ hình!¹⁶

Quy Sơn Cảnh Sách cũng nói: “Là người xuất gia phát tâm siêu việt, tâm hình khác tục, nổi thạnh dòng Phật, chấn nhiếp ma quân, đền đáp bốn ơn, cứu giúp ba cõi.”¹⁷ Đây chính là sơ tâm cao quý của người tu. Cho nên, Ngài Đạo An khuyên đệ tử giữ vững đạo tâm ban đầu này:

Nên giữ tâm ấy
Học nghiệp cho minh.

Học nghiệp là một phần của đạo nghiệp. *Học* trong Phật Pháp bao gồm nghĩa

16. Phật thuyết Chư Đức Phước Điền Kinh 《佛說諸德福田經》「毀形守志節，割愛無所親，出家弘聖道，願度一切人，五德超世務，名曰最福田，供養獲永安，其福第一尊」 Đại Chánh Tạng 16, tr. 777a-b.

17. Truy Môn Cảnh Huấn 《緇門警訓》「夫出家者發足超方心形異俗。紹隆聖種震懾魔軍。用報四恩拔濟三有。」 Đại Chánh Tạng 48, tr. 1043a.

tu học, hay huấn luyện thân tâm (training) mà không phải chỉ học hiểu (learning) hay nghiên cứu (studying) như thế gian pháp. Chỉ khi nào chúng được A-la-hán, mới là bậc *vô học*, còn trước đó đều là hàng *hữu học*.

Ngược lại:

Nếu còn đem tâm
Theo đường sắc thính
Lũng lơ năm tháng
Đạo nghiệp không thành

thì kết quả sẽ:

Đức hạnh ngày tổn
Tiếng xấu ngày sinh
Thầy bạn hổ thẹn
Người tục cười khinh.

Người xưa bảo: “Việc học như thuyền đi ngược nước, không tiến ắt lùi.” Việc tu học

trong Phật Pháp lại càng đúng hơn, vì người tu là người đi ngược dòng đời (upstream), chỉ cần một phút đánh mất chánh niệm, cũng có thể tạo ra lỗi lầm muôn kiếp, huống chi là thường xuyên lười nhác! Cho nên, Ngài Đạo An ân cần cảnh tỉnh:

Xuất gia như thế

Chỉ thêm nhục mình.

Lời nói của Ngài rất thẳng, ai có làm lỗi nghe qua rất đau, nhưng có tác dụng cảnh sách lớn, như ngọn roi quất mạnh lên mình những con ngựa yếu hèn:

Nay lời khuyên nhắc

Phải gắng chuyên tinh.

Những ai hảo tâm xuất gia, biết hổ biết thẹn, nghe qua lời này nhất định sẽ đứng dậy, dũng tiến trên đường giải thoát!

Kệ Cảnh Sách 2

Chữ Hán:

卿已出家
棄俗辭君。
應自誨勵
志果青雲。
財色不顧
與世不群。
金玉不貴
惟道為珍。
約己守節
甘苦樂貧。
進德自度
又能度人。
如何改操
趨走風塵。
坐不暖席
馳驚東西。

Phiên Âm

Khanh dĩ xuất gia
Khí tục từ quân
Ưng tự hối lệ
Chí quả thanh vân
Tài sắc bất cố
Dữ thể bất quần
Kim ngọc bất quý
Duy đạo vi trân
Ước kỷ thủ tiết
Cảm khổ lạc bần
Tiến đức tự độ
Hựu năng độ nhân
Như hà cải thao
Xu tẩu phong trần
Tọa bất noãn tịch
Trì vụ đông tây

劇如徭役
縣官所牽。
經道不通
戒德不全。
朋友蚩弄
同學棄捐。
如是出家
徒喪天年。
今故誨勵
宜各自憐

Kịch như đao dịch
Huyện quan sở khiên
Kinh đạo bất thông
Giới đức bất toàn
Bằng hữu si lộng
Đồng học khí quyên
Như thị xuất gia
Đồ táng thiên niên
Kim cổ hối lệ
Nghĩ các tự liên.

Dịch Nghĩa:

Ông đã xuất gia
Phụ tình quân thân
Phải nên cố gắng
Chí nhìn thanh vân
Xa miền danh sắc
Phong thái siêu trần
Vàng bạc chẳng quý

Duy đạo là hơn
Giữ tiết thanh cao
Nghèo khổ không sờn
Tu đức độ mình
Độ khắp thế nhân.
Nếu như cải tiết
Theo thói phong trần
Ngồi chẳng ấm chiếu
Chạy khắp tây đông
Thân như sai dịch
Danh lợi mê lòng
Giới đức kém thiếu
Đạo lý chẳng thông
Đàn tín bình luận
Bạn hữu xa dần
Xuất gia như thế
Năm tháng uổng công
Nay lời khuyên nhắc
Tự thương tự phòng.

Lược giảng:

Đây là bài kệ cảnh sách thứ hai để lại cho đệ tử của Pháp sư Đạo An. Mở đầu bài cảnh sách, Ngài nhắc lại người xuất gia phải lập hạnh trong sạch để thực hiện lý tưởng cao đẹp của mình:

Ông đã xuất gia
 Phụ tình quân thân
 Phải nên cố gắng
 Chí nhìn thanh vân
 Xa miền danh sắc
 Phong thái siêu trần.

Sao gọi là “phụ tình quân thân”? *Quân* là vua trong thời phong kiến, hay quốc gia trong thời hiện đại. *Thân* là cha mẹ. Người xuất gia không làm nghĩa vụ quốc gia như đi lính để đền ơn vua hay ơn nước, cũng

không lập gia đình, ở nhà phụng dưỡng mẹ cha, nên gọi là *phụ tình quân thân*. Vậy bù đắp lại, người xuất gia phải có lý tưởng cao đẹp, trên cầu thành Phật, dưới độ chúng sinh, đó gọi là “chí nhìn thanh vân.” *Thanh vân* nghĩa đen là mây xanh, hay trời cao. Còn nghĩa mở rộng chỉ cho quan cao lộc cả hay chí hướng cao xa vĩ đại. Ở đây, thanh vân được hiểu ở nghĩa thứ hai, tức chí hướng xuất trần, hoài bão hoằng Pháp độ sinh.

Đã có chí hướng cao thượng rồi, người xuất gia còn phải lập hạnh. Đó là:

Sáu căn thanh tịnh
 Ba nghiệp sạch trong
 Chẳng nhiễm duyên đời
 Thường tu phạm hạnh.
 Nghiêm trì giới cấm

Chẳng vương nghiệp trần
 Vững chãi oai nghi
 Không hại sinh mạng.

(*Sám Quy Mạng*-Sakya Minh-Quang dịch)

Đây là điều mà Ngài Đạo An gọi là:

Xa miền danh sắc
 Phong thái siêu trần.
 Vàng bạc chẳng quý
 Duy đạo là hơn
 Giữ tiết thanh cao
 Nghèo khổ không sờn
 Tu đức độ mình
 Độ khắp thế nhân.

Từ bước đầu *lập hạnh*, sẽ dần dần hình thành đạo phong của người tu sĩ. Người tu ít muốn biết đủ, nên tuy nghèo về vật chất, nhưng lại rất giàu có về đời sống tinh thần.

Cho nên trong *Kinh Phật Di Giáo* đức Phật dạy: “Người mà không biết đủ tuy giàu nhưng lại nghèo, người biết đủ tuy nghèo lại vô cùng giàu có. Người mà không biết đủ bị năm dục kéo lôi, người biết đủ thấy vậy, cảm thấy thực đáng thương.”

Kinh Tám Điều Giác Ngộ cũng nói:

Bậc Bồ-tát vô cầu biết đủ
 Vui phận nghèo quy củ tu hành
 Trau giồi tuệ nghiệp lợi sanh
 Vung gươm trí tuệ, dứt mảnh vô minh!

Cho nên, đức Phật dạy người tu không nên lấy chùa to Phật lớn, hay đệ tử đông làm sự nghiệp, cho đó là thành tựu, mà phải lấy “trí tuệ làm sự nghiệp” (duy tuệ thị nghiệp), và giác ngộ giải thoát làm thành tựu. Người chân tu có duyên xây dựng đạo

tràng, trùng kiến tự viện đều vì tiếp chúng độ tăng, hoằng dương Chánh Pháp mà không phải vì danh tiếng hay vật chất.

Kế tiếp, Ngài Đạo An răn nhắc những người quên lãng tâm tốt ban đầu, đánh mất khí tiết người tu:

Nếu như cải tiết
 Theo thói phong trần
 Ngồi chẳng ấm chiếu
 Chạy khắp tây đông
 Thân như sai dịch
 Danh lợi mê lòng
 Giới đức kém thiếu
 Đạo lý chẳng thông
 Đàn tín bình luận
 Bạn hữu xa dần
 Xuất gia như thế
 Năm tháng uổng công.

Cổ đức bảo:

Thà trên bồ đoàn ngồi chết đói
Không vì cơm áo cầu nhân tình!

Người tu thà ngồi trên bồ đoàn tọa thiền mà chết, quyết không vì cơm ăn áo mặc mà rong ruổi các nơi, xu phụ quyền quý, vì tìm cầu danh lợi. Đây là những thứ đức Phật khi xuất gia đã bỏ lại sau lưng, như đôi dép rách, lẽ nào những người xuất gia theo Phật lại lượm lấy để tự hào? Đức Phật dạy: “Này các thầy Tỳ Kheo, hãy thừa tự Pháp của ta mà đừng là người thừa tự tài vật.” Người mới xuất gia phải gần thầy, phục dịch, bồi công lập đức, lập hạnh dài lâu, mới có thể nối được gia nghiệp Chánh Pháp mà đức Thế Tôn để lại.

Cuối cùng Ngài kết luận:

Xuất gia như thế
 Năm tháng uống công
 Nay lời khuyên nhắc
 Tự thương tự phòng!

Người xuất gia nên tự thương mình mà
 đề phòng đừng phạm lầm lỗi.

Kệ Cảnh Sách 3

Chữ Hán:

卿已出家
 性有昏明。
 學無多少
 要在修精。
 上士坐禪
 中士誦經。
 下士堪能
 塔寺經營。
 豈可終日

Phiên Âm:

Khanh dĩ xuất gia
 Tánh hữu hôn minh
 Học vô đa thiểu
 Yếu tại tu tinh
 Thượng sĩ tọa thiền
 Trung sĩ tụng kinh
 Hạ sĩ kham năng
 Tháp tự kinh dinh
 Khởi khả chung nhật

一無所成。	Nhất vô sở thành
立身無聞	Lập thân vô văn
可謂徒生。	Khả vị đồ sinh
今故誨汝	Kim cố hối nhữ
宜自端情。	Nghi tự đoan tình.

Dịch nghĩa:

Ông đã xuất gia
Tối hoặc thông minh
Học dù nhiều ít
Hạnh gắng chuyên tinh
Bậc thượng thiên quán
Bậc trung tụng kinh
Bậc hạ tu phước
Chùa tháp kinh dinh
Đâu nên hôm sớm
Một việc không thành
Xuất gia như thế
Luống uống kiếp sinh

Nay lời khuyên nhắc
Chớ phụ lấy mình.

Lược Giảng:

Tu học có hai pháp: pháp học và pháp hành. Căn tính con người có sáng tối, mau chậm khác nhau, nhưng luận về tu hành, lấy *thành tâm* và *chân thực* làm điều đáng quý. Thành tâm và chân thực chính là bước đầu xây dựng đạo hạnh của người tu. Cho nên, Ngài Đạo An bảo:

Ông đã xuất gia
Tối hoặc thông minh
Học tuy nhiều ít
Hạnh gắng chuyên tinh.

Thông minh là cái mình không thể tự quyết định được, nhưng chuyên cần là điều mình có thể làm để bù đắp cho chỗ bất túc

của thiên tư. Cho nên có câu: “Lấy cần cù bù thông minh” là vậy. Lại nữa, thông minh hay ngu tối chỉ tương đối mà thôi. Người thông minh học một biết mười, người ngu tối học mười biết một. Nhưng tất cả đều là nhân quả, không phải tự nhiên có thông minh hay ngu ám. Ai đời trước đã học chín, đời này chỉ cần học một là biết mười! Ai đời trước mang nghiệp trù chín, giờ học mười biết một! Nhìn trên kết quả dường như ngu trí có khác nhau, nhưng nhìn toàn bộ quá trình, tất cả đều bình đẳng trên lý nhân quả. Cho nên, chỉ cần chúng ta siêng năng tu hành, đều có thể chuyển nghiệp, hóa ngu thành trí, chuyển phàm thành thánh.

Ngài Đạo An chia người xuất gia làm ba hạng:

Bậc thượng thiền quán
Bậc trung tụng kinh
Bậc hạ tu phước
Chùa tháp kinh dinh

Bậc thượng căn là người hảo tâm xuất gia, có giới hạnh và đầy đủ trí tuệ. Vì đã nắm vững nắm vững đạo lý tu hành, nên vị này trực tiếp dùng công phu thiền quán, soi chiếu lại thân tâm, nhằm dứt trừ mê lầm, cuối cùng được giác ngộ, giải thoát.

Bậc trung căn là người hảo tâm xuất gia, có giới hạnh, nhưng chưa đủ trí tuệ, cần phải đọc tụng kinh để nắm vững đạo lý tu hành. Sau đó, vị này mới có thể thiền quán, dứt trừ si mê phiền não, được giác ngộ, giải thoát.

Bậc hạ căn là người hảo tâm xuất gia, có giới hạnh, nhưng trí nhớ kém, sức tư

duy yếu, nên học kinh khó nhớ, thiền quán khó thành. Vị này trước phải bồi công lập đức, phục vụ đại chúng, xây dựng chùa tháp. Lần lần, nghiệp dứt trí sinh, thành tựu chánh kiến tu hành, cuối cùng cũng có thể giác ngộ, giải thoát.

Tuy nói là ba, nhưng căn tánh không có nhất định, tùy theo sự cố gắng tu hành mà chuyển hóa. Người căn tánh nhanh lẹ, nếu ý lại mình thông minh mà giải đãi tu hành, cũng có thể cả đời không chút thành tựu, thậm chí đọa lạc. Ví dụ, thời đức Phật còn tại thế, Tỳ-kheo Thiện Tinh là người tinh thông mười hai bộ kinh, chứng được tứ thiền, cho đó là niết-bàn. Sau ông gần gũi ác tri thức, tu hành giải đãi nên đánh mất tứ thiền. Vì vậy, ông cho là không có niết-bàn, không có nhân quả, nên hoàn

tục theo ngoại đạo. Vì tà kiến này, ông rất cuộc đọa và địa ngục.¹⁸

Ngược lại, người căn tánh chậm lụt, nhưng cố gắng tu hành, cũng có thể chuyển hóa nghiệp xưa, khai mở tuệ giác, trở thành bậc thượng căn thượng trí. Ví dụ, thuở xưa Bàn-đặc, tâm trí u tối, học một bài kệ ba tháng không nhớ. Nhưng ông chân thành tu học, sau nhờ đức Phật chỉ dạy phép tu chỉ quán qua việc quét nhà, cuối cùng nghiệp sạch tình không, chứng quả A-la-hán. Từ đó, Bàn-đặc trí tuệ siêu quần, biện tài vô ngại.

Lại nữa, người tu không nhất định phải hạn cuộc vào hình thức. Người tu lúc cần thì công quả, đến thời lại tụng kinh, tọa thiền, nhưng quan trọng nhất phải chánh

18 Xem *Kinh Đại Bát Niết-bàn*, Đại Chánh Tạng 12, tr. 806c.

niệm trong từng việc làm và thiền quán trong từng giây phút. Cho nên, thực ra căn thượng trung hạ quyết định nơi tâm của hành giả mà không phải ở hình thức bên ngoài ngoài. Chúng ta đừng hiểu lầm, đọc đoạn cảnh sách của Ngài Đạo An xong cho rằng, người công quả là hạ căn, người tụng kinh cho là trung căn, còn người tọa thiền cho là thượng căn! Ở đây Ngài Đạo An ý nói, tùy theo năng lực của mình mà xây dựng đạo nghiệp, ai hảo tâm xuất gia, tinh tấn tu hành, không luận căn tánh đều có thể thành tựu! Nhưng đã là người lập chí tiến tu, trong ba việc trên, ít nhất phải làm tròn một việc, mới không uổng duyên lành xuất gia tu học. Vì vậy, tiếp theo Ngài Đạo An bảo:

Đâu nên hôm sớm
Một việc không thành
Xuất gia như thế
Luống uổng kiếp sinh.
Nay lời khuyên nhắc
Chớ phụ lấy mình.

Phật và Bồ-tát không bỏ chúng ta. Thầy tổ cũng không bỏ chúng ta. Đàn-na tín thí lại càng không bỏ chúng ta. Chỉ có chúng ta tự bỏ chúng ta. Chỉ có mình tự phụ lấy mình! Đó là đánh mất tâm tốt xuất gia, tự cam đoạ lạc!



Tổ Đình Thiện Tường

5037 W. 83rd St. Burbank, IL 60459

Facebook: Thien Tuong Temple

Website: thientuongtemple.com

Email: tuvienthientuong@gmail.com;

